



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiên Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuoethaibinh.com

Số phiếu kết quả: 02/KQXN.20.02.2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM



I. Thông tin mẫu:

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

10.02.25.A4 (M1): Vòi phát Xí nghiệp Hưng Nhân

10.02.25.A5 (M2): GD Trần Văn Chương - TDP Thị An - TT Hưng Nhân - H Hưng Hà - TB

10.02.25.A6 (M3): GD Nguyễn Quang Chí – TDP Dầu - TT Hưng Nhân - H Hưng Hà - TB

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Hưng Nhân

5. Địa chỉ: TDP Dầu - Thị Trấn Hưng Nhân – Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình.

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Vũ Tiến Hưng

7. Ngày nhận mẫu: 10/02/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 10/02/2025

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025	< 3	< 3	< 3	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7.46	7.47	7.45	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.277	0.252	0.168	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021	0.41	0.22	0.29	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008	0.03	0.02	0.02	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149	0.013	0.012	0.013	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO ₃) (*)	TCVN 6224:1996	135	145	140	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni	Method 8038	0.05	0.04	0.04	mg/L	0.3

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "***" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 02/KQXN.20.02.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
10.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	Method 8507	0.003	0.002	0.002	mg/L	0.05
11.	Hàm lượng Sulfate(SO ₄ ²⁻)	Method 8051	10	11	10	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0.34	0.42	0.42	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua	TCVN 6194:1996	6.38	4.96	5.67	mg/L	250 hoặc 300

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCBP 01:2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

Ghi chú: KPH – không phát hiện.

Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml



TRƯỞNG PHÒNG KH- KT

Nguyễn Trung Kiên

Thái Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2025
TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM

Phùng Thị Thu Hà

- Lưu ý:*
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.
 - Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.
 - ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
 - *** Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023